

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2022.

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông HCN.

Hội thẩm nhân dân: Bà ĐTT và ông HĐT.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà NHN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông NDH- Kiểm sát viên.

Ngày 18-5-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 17-01-2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 73/2022/QĐXX-ST ngày 27-4-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh RRP, sinh năm: 1979;

Địa chỉ nơi cư trú: P 406, Tòa nhà T03 Khu Đô thị Ecopark, huyện VG, tỉnh HY. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư NTT - Văn phòng luật sư NT, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người phiên dịch: Anh NĐT, sinh năm 1991; Địa chỉ: Phòng 1114, Tòa nhà VP5 đường NDT, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị ĐTKA, sinh năm 1986; Địa chỉ nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Căn hộ A-19C6-6 Tòa A, Khu chung cư và Thương mại dịch vụ hỗn hợp Capitaland-Hoàng Thành, phường ML, quận HĐ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư NTTK- Công ty Luật TNHH BN, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh RRP trình bày quan điểm:

Anh RRP (P) kết hôn với chị ĐTKA là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07-12-2011 tại Ấn Độ. Sau khi về Việt Nam, vợ chồng đã làm thủ tục Ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa ngày 07-8-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở Ấn Độ; Tháng 3-2012 thì chuyển đến sống ở Singapore. Đến tháng 6-2012, vợ chồng về Hà Nội sống và làm việc cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do chị KA thường có thái độ gây căng thẳng, cãi vã, kiểm soát tiền lương của tôi và mâu thuẫn với gia đình chồng.

Năm 2013, chị KA muốn mua căn hộ ở Việt Nam nên vợ chồng đã phải rất cố gắng và phải vay mượn thêm để có số tiền này. Anh P đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng chị KA không thể hiện thiện chí muốn nói chuyện. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5-2019. Nay anh P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị ly hôn với chị ĐTKA.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu PSBN, sinh ngày 23-9-2013 và cháu ĐKTA, sinh ngày 02-7-2018; cháu BN hiện đang sống cùng anh và học tập ổn định. Anh P không muốn hai con phải sống xa nhau, vì vậy có nguyện vọng nuôi cả hai con và không đề nghị chị KA cấp dưỡng nuôi con. Nếu được nuôi cả 02 con chung thì anh sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho chị KA được thăm nom con chung.

Trường hợp chỉ được nuôi 01 con chung, thì anh P đề nghị xin được nuôi cháu PSBN.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này; nếu có tranh chấp thì anh sẽ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác..

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị ĐTKA trình bày quan điểm:

Chị ĐTKA nhất trí với trình bày của anh RRP về tình trạng hôn nhân vợ chồng và trình bày: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; lối sống của hai vợ chồng không hòa hợp, chồng ham tụ tập bạn bè thậm chí có quan hệ với người phụ nữ khác và không chăm lo gia đình.

Từ năm 2018, anh RRP không còn quan tâm gì đến gia đình; Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2019. Đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài và vợ chồng đã sống ly thân.

Nay anh RRP xin ly hôn thì chị ĐTKA cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu PSBN, sinh ngày 23-9-2013 và cháu ĐKTA, sinh ngày 02-7-2018.

Từ khi sinh ra đến nay, các con chung đều do chị KA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; các cháu đều giao tiếp bằng tiếng Việt Nam, anh RRP không biết tiếng Việt nên gặp khó khăn trong khi giao tiếp với các con; cháu BN mới sang Ấn Độ 01 lần duy nhất và không biết tiếng Ấn Độ.

Mẹ anh RRP ăn chay trường, nên khi cháu BN ở với bà nội thì việc chăm sóc cháu sẽ không đủ chất dinh dưỡng để phát triển.

Từ ngày 15-12-2021, anh RRP đưa cháu BN về sống với bà nội, không cho chị gặp con. Do vậy, chị KA đề nghị được nuôi cả hai con chung để các cháu được phát triển toàn diện về học tập cũng như thể chất; chị KA yêu cầu anh RRP đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con là 50.000.000 đồng/tháng (*Năm mươi triệu đồng/tháng*).

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là anh RRP (P) giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị ĐTKA.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung; cháu BN hiện đang sống cùng anh, còn cháu TA sống cùng chị KA. Cháu BN chung sống cùng anh từ tháng 12-2021 đến nay, hiện cháu học tập, sinh hoạt ổn định và tăng được 08kg. Anh có nơi ở và công việc với thu nhập ổn định trên 50.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con nên anh P đề nghị xin được nuôi giữ, chăm sóc cả 02 con chung và không yêu cầu chị KA cấp dưỡng nuôi con; trường hợp chị KA không đồng ý thì anh xin nuôi cháu BN.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản và anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung trong vụ án này; nếu giữa anh và chị KA không tự giải quyết được về tài sản chung và phát sinh tranh chấp thì anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm: Thống nhất với quan điểm trình bày của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Xử cho anh P được ly hôn chị KA; giao cháu BN cho anh P và giao cháu TA cho chị KA nuôi dưỡng, chăm sóc, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bị đơn là chị ĐTKA có quan điểm: Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh RRP.

Về con chung: Chị KA vẫn giữ nguyên quan điểm xin nuôi cả hai con và đề nghị anh RRP đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với mức 50.000.000đồng/2

con/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm: Thống nhất với quan điểm trình bày của bị đơn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh P và chị KA được ly hôn; giao chị KA nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mức 50 triệu đồng/tháng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về Tố tụng: Vụ án có nguyên đơn là người nước ngoài (Ấn Độ); các đương sự đăng ký kết hôn tại Ấn Độ và đã làm thủ tục Ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa ngày 07-8-2012 nên Hôn nhân là hợp pháp; Bị đơn là chị KA hiện đang cư trú tại quận HĐ, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

Về nội dung: Các bên đương sự đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa anh RRP và chị ĐTKA đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2019 đến nay; các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giải quyết cho anh RRP ly hôn chị ĐTKA.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung và các bên đương sự đều có điều kiện nuôi con chung. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX giao mỗi người nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung; việc anh RRP xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu BN là có căn cứ được chấp nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh RRP và chị KA cho đến khi một trong hai con trung trưởng thành và một bên có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên còn lại.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Anh RRP phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Nguyên đơn trong vụ án là anh RRP có quốc tịch là người Ấn Độ; bị đơn là chị ĐTKA có địa chỉ nơi ở và sinh sống tại quận HĐ, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tình cảm: Anh RRP và chị ĐTKA kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ấn Độ ngày 07-12-2011; đã làm thủ tục Ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa ngày 07-8-2012 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều trình bày xác nhận: Quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2019 đến nay không còn quan hệ tình cảm gì; chị KA cũng xác nhận việc vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống khác biệt.

Đến nay vợ chồng đều xác nhận về tình trạng vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh RRP với chị ĐTKA đã trầm trọng kéo dài; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau; mục đích hôn nhân không đạt. Các bên đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh RRP và giải quyết cho anh RRP được ly hôn với chị ĐTKA.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu PSBN, sinh ngày 23-9-2013 và cháu ĐKTA, sinh ngày 02-7-2018. Hiện cháu PSBN đang chung sống cùng với anh RRP; cháu ĐKTA đang chung sống cùng với chị ĐTKA. Anh, chị đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con.

Xét thấy: Anh RRP và chị ĐTKA đều có nơi ở và công việc với thu nhập ổn định đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; cả hai bên đều có nguyện vọng được chăm sóc cả hai con chung sau khi ly hôn. Do các bên không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền và của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nên Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, thì việc nuôi giữ, chăm sóc, giáo dục con chung là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Xét thực tế: Cháu BN đang chung sống cùng anh RRP, cháu phát triển tốt về thể chất (tăng 08kg so với thời điểm sống cùng chị KA) và có kết quả học tập tốt; cháu TA còn nhỏ cần mẹ chăm sóc

và cũng đang sống ổn định cùng chị KA. Việc giao cho mỗi người nuôi một con chung sẽ đảm bảo trách nhiệm của bố mẹ đối với con, cũng như quyền lợi của các con. Yêu cầu của anh RRP xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu BN là có căn cứ được chấp nhận

Căn cứ quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu PSBN, sinh ngày 23-9-2013 cho anh RRP và giao cháu ĐKTA, sinh ngày 02-7-2018 cho chị ĐTKA trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh RRP và chị ĐTKA không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Xét thấy: Anh RRP và chị ĐTKA đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung cũng như nghĩa vụ chung về tài sản trong vụ án này nên Tòa án không xem xét.

Trường hợp các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản, thì anh RRP và chị ĐTKA có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh RRP. Anh RRP được ly hôn chị ĐTKA.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu PSBN, sinh ngày 23-9-2013 và cháu ĐKTA, sinh ngày 02-7-2018.

Giao cháu PSBN cho anh RRP nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao cháu ĐKTA cho chị ĐTKA nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh RRP và chị ĐTKA không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh RRP và chị ĐTKA đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự về việc phân chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh RRP phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000548 ngày 02-01-2022 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Ghi nhận việc anh RRP đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Anh RRP và chị ĐTKA có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP HN;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HCN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

